

Số: 2313 /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 03 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến liên quan đến doanh nghiệp
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế tỉnh Lai Châu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1505/QĐ-BYT ngày 05/5/2025 của Bộ Y tế về công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 187/TTr-SYT ngày 28 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ công trực tuyến liên quan đến doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế tỉnh Lai Châu.

(Có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. UBND các xã, phường

a) Tổ chức triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh Lai Châu theo Danh mục được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

b) Thực hiện rà soát, đánh giá và tái cấu trúc quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

Thường xuyên rà soát, đánh giá, đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, thực hiện tái cấu trúc quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc thẩm quyền giải quyết.

c) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp và người dân nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Lai Châu.

2. Sở Y tế

a) Tổ chức triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo Danh mục được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

b) Thường xuyên rà soát, đánh giá, đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, thực hiện tái cấu trúc quy trình, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc phạm vi, chức năng quản lý; tổng hợp các nội dung rà soát, đề xuất của UBND cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

c) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp và người dân nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Lai Châu.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Lai Châu.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan quản lý, vận hành Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Lai Châu đảm bảo hoạt động thông suốt và đáp ứng các yêu cầu về chức năng, kỹ thuật, an toàn, an ninh thông tin.

c) Tích hợp, cung cấp Danh mục dịch vụ công trực tuyến đã được phê duyệt trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; phối hợp với các cơ quan, đơn vị cập nhật, hiệu chỉnh, bổ sung nội dung thông tin, biểu mẫu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Lai Châu.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan báo chí đẩy mạnh công tác truyền thông về ý nghĩa, tầm quan trọng, các quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến; truyền thông các mô hình tốt, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- V: V, CB;
- VNPT Lai Châu (p/h);
- Lưu: VT, Hcc4.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tổng Thanh Hải

Phụ lục
DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN LIÊN QUAN ĐẾN DOANH NGHIỆP
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ TỈNH LAI CHÂU
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Dịch vụ công trực tuyến một phần	Phí/lệ phí thực hiện			Ghi chú
					Phí	Lệ phí	Không	
A	CẤP TỈNH		29	61	43	1	46	
I	Lĩnh vực An toàn thực phẩm							
1	1013838.000.00.00.H35	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế		x	x			
2	1013847.000.00.00.H35	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế		x			x	
3	1.013851.000.0.00.H35	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm Dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	x		x			
4	1013858000.00.00.H35	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	x		x			
5	1013862000.00.00.H35	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	x		x			
6	1013857.000.00.00.H35	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	x		x			

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Dịch vụ công trực tuyến một phần	Phí/lệ phí thực hiện			Ghi chú
					Phí	Lệ phí	Không	
7	1013854.000.00.00.H35	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	x		x			
8	1013850.000.00.00.H35	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	x		x			
9	1013844.000.00.00.H35	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu Chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025		x	x			
10	1013841.000.00.00.H35	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025		x	x			
11	1013829.000.00.00.H35	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu		x		x		
12	2.001191.000.00.00.H35	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt		x	x			
13	1.002867.000.00.00.H35	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường		x	x			

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Dịch vụ công trực tuyến một phần	Phí/lệ phí thực hiện			Ghi chú
					Phí	Lệ phí	Không	
14	1.003094.000.0 0.00.H35	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra giảm		x	x			
II	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội							
15	1.001806.000.0 0.00.H35	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	x				x	
16	1013814.H35	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập		x			x	
17	1013815.H35	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội	x				x	
18	1013820.H35	Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		x			x	
III	Đào tạo, Nghiên cứu khoa học và Công nghệ thông tin							
19	1.004539.000.0 0.00.H35	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố		x			x	
20	1013824.H35	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh		x			x	
IV	Lĩnh vực Dân số, Bà mẹ và Trẻ em							
21	1013845.H35	Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm		x			x	
V	Lĩnh vực Dược phẩm							

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Dịch vụ công trực tuyến một phần	Phí/lệ phí thực hiện			Ghi chú
					Phí	Lệ phí	Không	
22	1.001396.000.0 0.00H35	Cung cấp thuốc phòng xạ	x				x	
23	1.014069.H35	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc	x				x	
24	1.014202.H35	Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ; Kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc		x	x			
VI	Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh							
25	2.000552.000.0 0.00.H35	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	x				x	
26	1.012276.000.0 0.00.H35	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	x				x	
27	1.012260.000.0 0.00.H35	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa		x			x	
28	1.012261.000.0 0.00.H35	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa		x			x	
29	1.001138.000.0 0.00.H35	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ		x			x	
30	1.006780.000.0 0.00.H35	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	x				x	
31	2.000559.000.0 0.00.H35	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ		x			x	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Dịch vụ công trực tuyến một phần	Phí/lệ phí thực hiện			Ghi chú
					Phí	Lệ phí	Không	
VII	Lĩnh vực Mỹ phẩm							
32	1.009566.000.0 0.00.H35	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	x		x			
33	1.002483.000.0 0.00.H35	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	x		x			
34	1.003073.000.0 0.00.H35	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm.	x				x	
35	1.000793.000.0 0.00.H35	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	x				x	
36	1.000662.000.0 0.00.H35	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	x				x	
37	1.000990.000.0 0.00.H35	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	x				x	
38	1.003055.000.0 0.00.H35	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm		x	x			
39	1.003064.000.0 0.00.H35	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm.	x				x	
40	1.002600.000.0 0.00.H35	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	x		x			
41	1.002238.000.0 0.00.H35	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm		x			x	
VIII	Lĩnh vực Phòng bệnh							
42	1.013878.H35	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III		x	x			
43	1.013884.H35	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn		x	x			

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Dịch vụ công trực tuyến một phần	Phí/lệ phí thực hiện			Ghi chú
					Phí	Lệ phí	Không	
44	1.013893.H35	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất		X	X			
45	1.013865.H35	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm		X	X			
46	1.013873.H35	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính		X			X	
47	1.013890.H35	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động	X				X	
48	1.013866.H35	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		X	X			
49	1.013874.H35	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		X	X			
50	1.013887.H35	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		X	X			
51	1.013891.H35	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		X	X			
52	1.013895.H35	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		X	X			
53	1.013867.H35	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		X	X			

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Dịch vụ công trực tuyến một phần	Phí/lệ phí thực hiện			Ghi chú
					Phí	Lệ phí	Không	
54	1.013868.H35	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất		X	X			
55	1.013870.H35	Đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		X	X			
56	1.013872.H35	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		X			X	
57	1.013875.H35	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế nhập khẩu để nghiên cứu		X	X			
58	1.013880.H35	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ		X	X			
59	1.013881.H35	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng		X	X			
60	1.013883.H35	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu		X	X			
61	1.013886.H35	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế		X	X			

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Dịch vụ công trực tuyến một phần	Phí/lệ phí thực hiện			Ghi chú
					Phí	Lệ phí	Không	
62	1.013889.H35	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế		X	X			
63	1.013892.H35	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		X			X	
64	1.013896.H35	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) đối với thuốc lá		X			X	
65	1.013898.H35	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất)		X			X	
66	1.013894.H35	Cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với thuốc lá		X			X	
IX	Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội							
67	1.014010.H35	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân		X			X	
68	1.014011.H35	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân		X			X	
69	2.000025.000.0.00.H35	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân		X			X	
70	2.000027.000.0.00.H35	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân		X			X	
71	1.000091.000.0.00.H35	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân		X			X	
X	Lĩnh vực Tài chính y tế							
72	1.014138.H35	Thủ tục ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế		X			X	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Dịch vụ công trực tuyến một phần	Phí/lệ phí thực hiện			Ghi chú
					Phí	Lệ phí	Không	
73	1.014139.H35	Thủ tục ký phụ lục hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế		x			x	
74	3.000499.H35	Thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh giữa cơ quan bảo hiểm xã hội và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh		x			x	
XI	Lĩnh vực Thiết bị y tế							
75	3.000447.H35	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B.		x			x	
76	3.000448.H35	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B		x	x			
77	3.000449.H35	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất.		x			x	
XII	Lĩnh vực Y dược cổ truyền							
78	1.012418.000.00.00.H35	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	x		x			
79	1.012419.000.00.00.H35	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	x				x	
80	1.009407.000.00.00.H35	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	x				x	
XIII	Lĩnh vực Y tế dự phòng							
81	2.000981.000.00.00.H35	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa		x	x			
82	1.002944.000.00.00.H35	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		x	x			

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Dịch vụ công trực tuyến một phần	Phí/lệ phí thực hiện			Ghi chú
					Phí	Lệ phí	Không	
83	1.001114.000.0 0.00.H35	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	x				x	
84	1.001178.000.0 0.00.H35	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	x				x	
85	1.001189.000.0 0.00.H35	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	x				x	
86	1.002564.000.0 0.00.H35	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		x	x			
87	1.013037.000.0 0.00.H35	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiệm các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	x				x	
88	1.004062.000.0 0.00.H35	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		x	x			
89	1.004070.000.0 0.00.H35	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		x	x			
90	2.000993.000.0 0.00.H35	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải		x	x			
B	CẤP XÃ		2	1	0	0	3	
	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội							

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Dịch vụ công trực tuyến một phần	Phí/lệ phí thực hiện			Ghi chú
					Phí	Lệ phí	Không	
91	1.013821.H35	Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	x				x	
92	1.013822.H35	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	x				x	
93	2000355.000.00.H35	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn		x			x	
		Tổng cộng: 93 thủ tục	31	62	43	1	49	